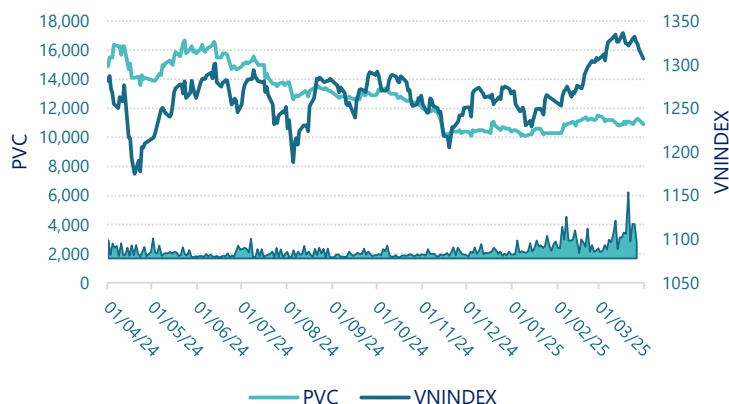


Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ dầu khí - CTCP (HNX: PVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,671
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,100
SL cổ phiếu LH	81,194,463
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,324,460
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	885
P/E	150.4
EPS	72

DT thuần

Q1/25

993

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.0 | -2.6%

YoY: ▲595 | 149%

LN sau thuế

Q1/25

7.48

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.58 | -17.5%

YoY: ▲6.49 | 655%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.0%

+/- YoY: ▼0.8%

DT thuần

2024

2,957

tỷ VNĐ

YoY: ▼265 | -8.2%

LN sau thuế

2024

15.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼19.5 | -55.8%

ROE

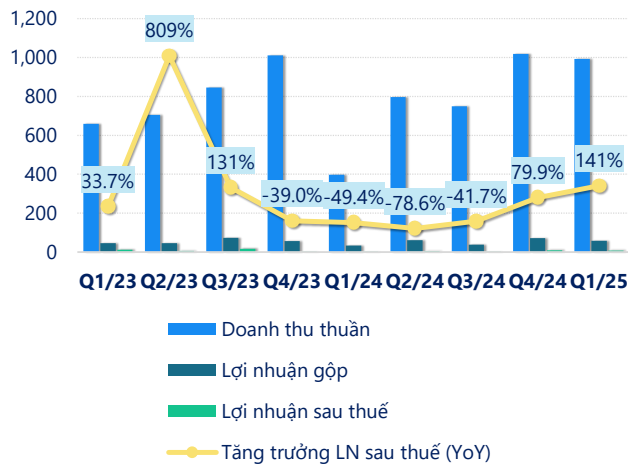
2024

0.3%

+/- YoY: ▼1.9%

tỷ VNĐ

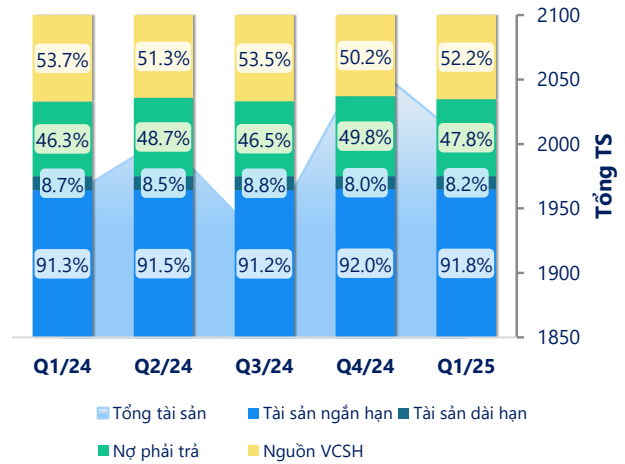
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

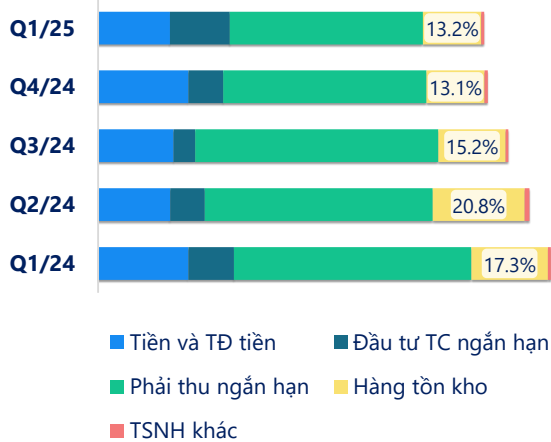
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



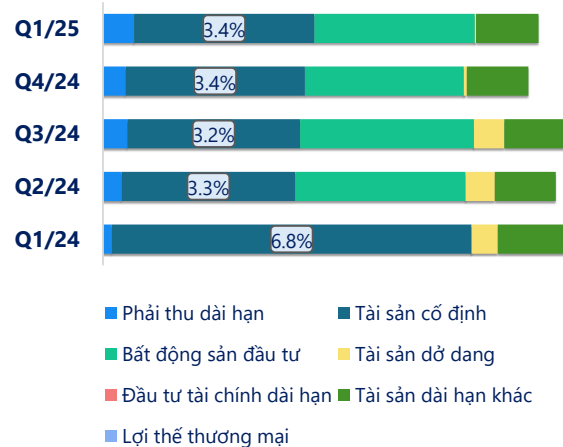
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

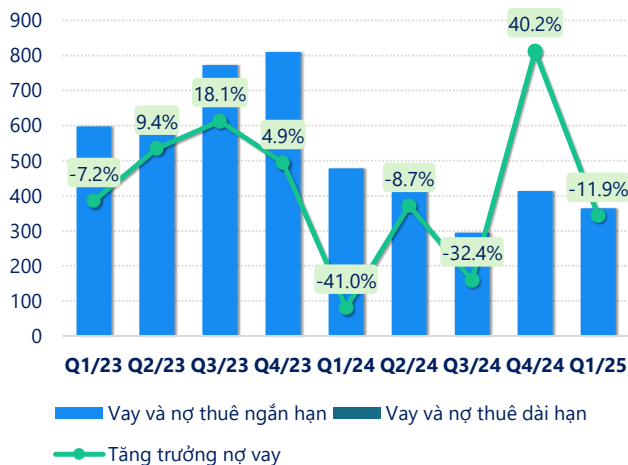
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

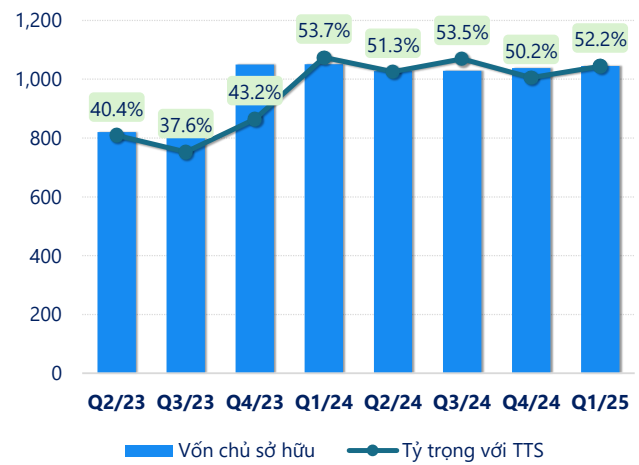
Nợ vay



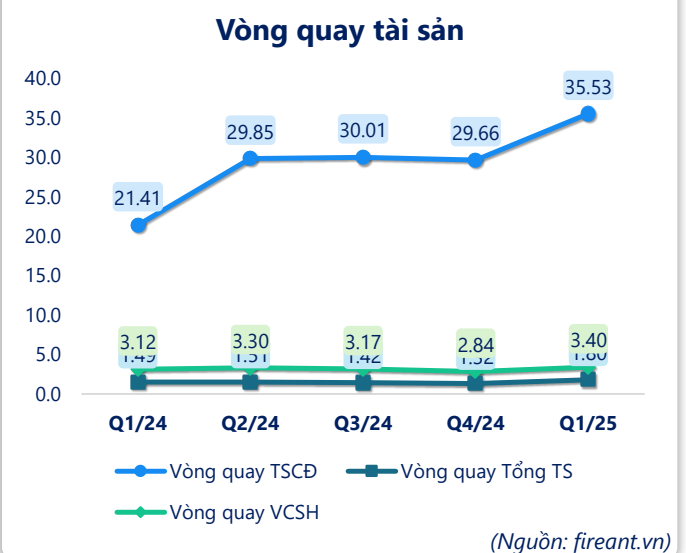
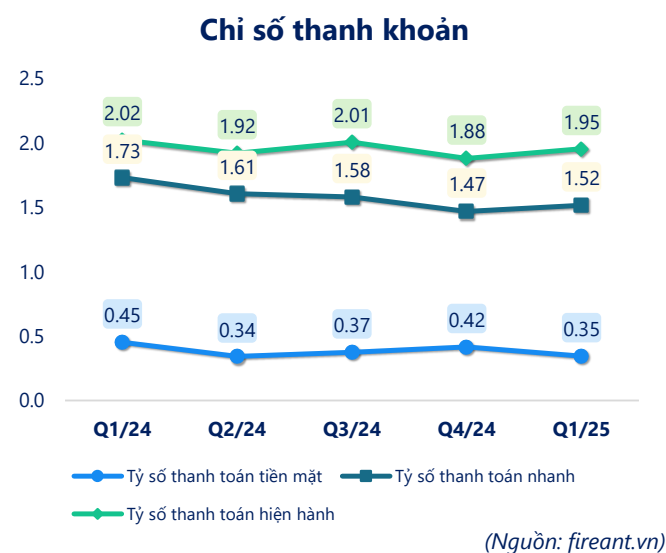
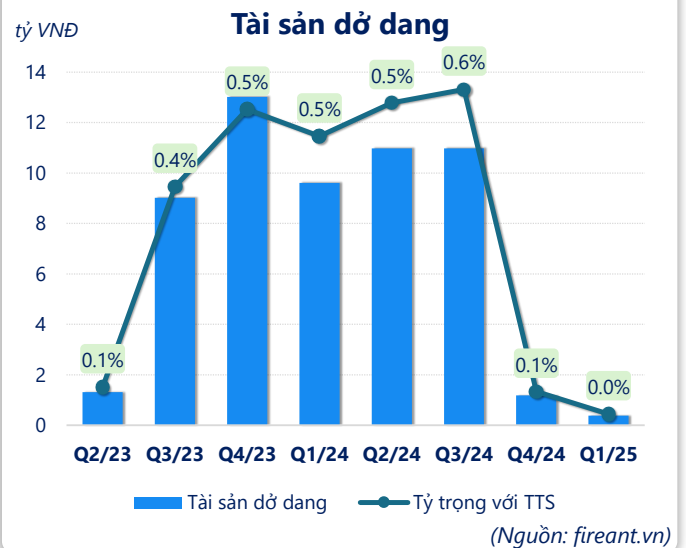
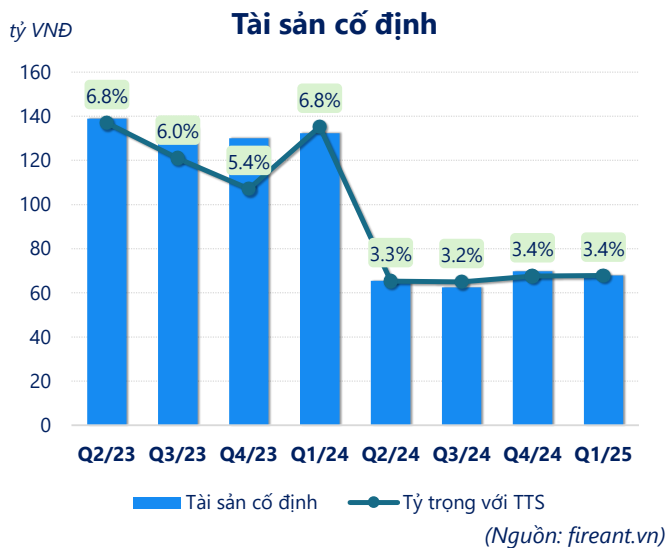
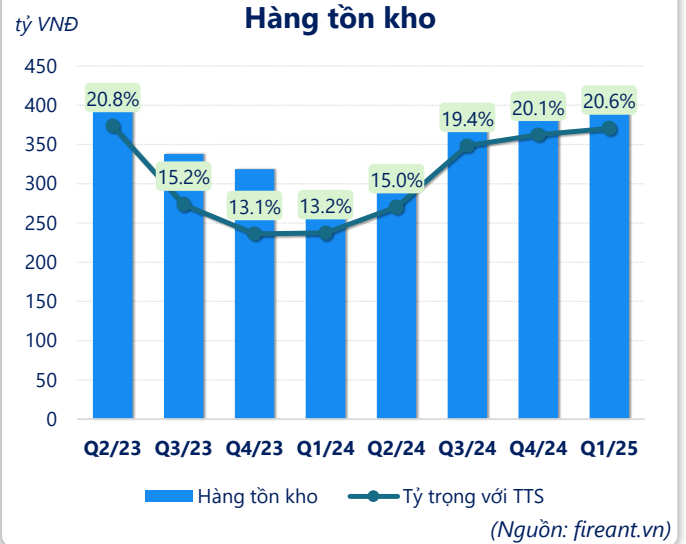
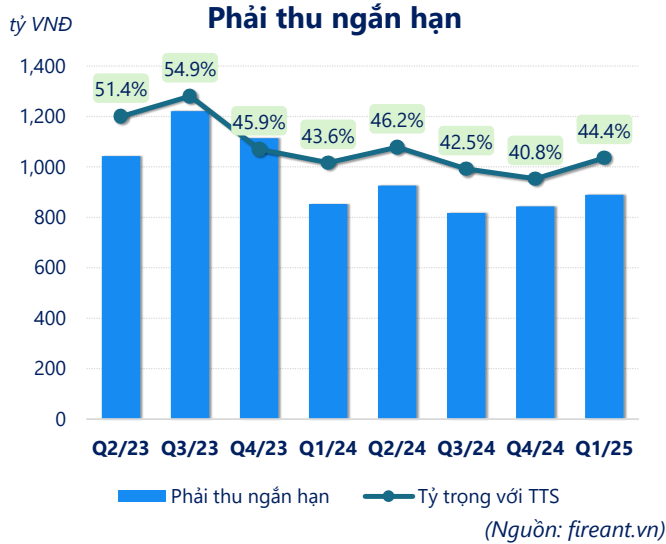
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,956	2,004	1,924	2,065	2,002
Tài sản ngắn hạn	1,786	1,833	1,755	1,900	1,838
Tiền và tương đương tiền	399	327	327	421	325
Đầu tư tài chính ngắn hạn	264	263	221	203	190
Phải thu ngắn hạn	852	926	818	844	889
Hàng tồn kho	258	301	372	416	412
Tài sản ngắn hạn khác	12.7	16.4	16.9	16.1	21.6
Tài sản dài hạn	170	171	169	165	164
Phải thu dài hạn	3.24	6.99	8.83	8.69	11.7
Tài sản cố định	132	65.5	62.5	69.8	67.9
Bất động sản đầu tư	0	64.2	62.9	61.7	60.5
Tài sản dở dang	9.60	11.0	11.0	1.18	0.38
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	25.1	23.0	23.5	23.9	23.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	905	976	895	1,028	957
Nợ ngắn hạn	883	955	875	1,011	941
Vay và nợ thuê ngắn hạn	478	436	295	414	365
Phải trả người bán ngắn hạn	222	312	346	370	339
Nợ dài hạn	22.4	21.5	20.1	16.4	16.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,051	1,028	1,029	1,038	1,045
Vốn chủ sở hữu	1,051	1,028	1,029	1,038	1,045
Vốn điều lệ	812	812	812	812	812
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)